

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST.
Ngày 17-9-2020.
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn An;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1947 – Có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1972 – Có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Tấn Ph, sinh năm 1968 – Vắng mặt;

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Tr, sinh năm 1980 – Có mặt.

Các đương sự cùng địa chỉ: Khu phố S S, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào năm 2014, 2015, bà Nguyễn Thị Thu T có tham gia chơi hụi do ông làm chủ thảo, cụ thể các dây hụi như sau:

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-9-2014, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần và đã hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đóng hụi chết đến tháng 3-2016 thì ngưng, còn nợ lại 05 tháng tiền hụi chết là 5.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 15-8-2016.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-9-2014, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần và đã hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đóng hụi chết đến tháng 3-2016 thì ngưng, còn nợ lại 05 tháng tiền hụi chết là 5.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 15-8-2016.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-5-2015, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần và đã hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đóng hụi chết đến tháng 3-2016 thì ngưng, còn nợ lại 13 tháng tiền hụi chết là 13.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 15-4-2017.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-5-2015, gồm 24 phần, bà T tham gia 01 phần và đã hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đóng hụi chết đến tháng 3-2016 thì ngưng, còn nợ lại 13 tháng tiền hụi chết là 13.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 15-4-2017.

- Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-9-2014, gồm 25 phần, bà T tham gia 01 phần và đã hốt hụi, sau khi hốt hụi bà T đóng hụi chết đến tháng 3-2016 thì ngưng, còn nợ lại 06 tháng tiền hụi chết là 6.000.000 đồng. Dây hụi này đã mãn vào ngày 15-9-2016.

Do bà T không đóng tiền hụi chết nên ông C phải đóng choàng tiền hụi chết của bà T cho các hụi viên khác. Tổng cộng bà T còn nợ ông C số tiền 42.000.000 đồng.

Ngày 31-5-2016, bà T và chồng là ông Huỳnh Tấn P đồng ý còn nợ ông C số tiền 42.000.000 đồng và ghi thành giấy mượn tiền, vợ chồng bà T hứa sẽ trả dần cho ông C mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 20-8-2016. Nhưng đến tháng 8-2016 bà T không trả nên vào năm 2017 ông C khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng). Tại Tòa án bà T hứa sẽ trả tiền cho ông C nhưng hẹn sau 02 năm (đến tháng 11 năm 2019) sẽ trả dần cho ông C mỗi tháng 1.000.000 đồng nên ông C rút đơn và bà T ký vào Bản thỏa thuận lập ngày 16-11-2017 giao cho ông C giữ. Đến tháng 11-2019, ông C yêu cầu bà T trả tiền cho ông C thì bà T không trả.

Nay ông C yêu cầu bà T và ông P trả cho ông C số tiền 42.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 20-8-2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông C thay đổi yêu cầu, cụ thể ông chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày mãn tất cả các dây hụi là ngày 15-5-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà T thừa nhận có tham gia chơi hụi do ông C làm chủ thảo dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-9-2014, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, đã hốt hụi và hiện còn nợ tiền hụi chết của ông C 6.000.000 đồng, còn lại

36.000.000 đồng là tiền hụi chết bà nợ chị Tr con của ông C chứ không phải của ông C. Cụ thể, bà T tham gia 03 dây hụi do chị Tr làm chủ thảo, mỗi dây 1.000.000 đồng/tháng, nhưng khai ngày nào thì bà không nhớ vì bà không lấy danh sách hụi viên, nhưng bà T có nộp cho Tòa án 03 tờ giấy đăng hụi do chị Tr viết đăng hụi cho bà. Ngày 31-5-2016, bà và ông P có ký giấy nợ ông C số tiền 42.000.000 đồng là do chị Tr yêu cầu vợ chồng bà ký, do thời điểm đó bà thiếu nợ nhiều người nên vợ chồng bà đồng ý ký giấy nợ để dàn xếp với ông C và chị Tr. Vào ngày 16-11-2017, bà T có ký vào Bản thỏa thuận thống nhất bà còn nợ ông C số tiền 42.000.000 đồng nhưng là do chị Tr ép bà ký, chị Tr nói với bà là số tiền bà nợ chị Tr thì bà trả cho ông C để ông C có tiền dưỡng già. Sau khi bà T ký xong thì ông P không đồng ý với việc chuyển số nợ của chị Tr sang cho ông C nên bà không trả nợ cho ông C như đã thỏa thuận đến nay.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền 6.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15-9-2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Còn số tiền 36.000.000 đồng là tiền hụi bà nợ chị Tr nên bà sẽ trả cho chị Tr, không đồng ý trả cho ông C. Ông P không liên quan gì đến số nợ này nên không có trách nhiệm trả.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc Tr trình bày:

Chị không có làm chủ thảo hụi, 03 tờ giấy đăng hụi mà bà T cung cấp là do chị viết nhưng là viết dùm cho ông C do ông C đã lớn tuổi, không nhìn rõ. Chị cũng thường đi gom hụi dùm ông C nhưng thực tế ông C mới là chủ thảo hụi. Nay chị không yêu cầu bà T và ông P trả tiền cho chị vì bà T và ông P không nợ tiền hụi của chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Tấn P trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 42.000.000 đồng và trả tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Tấn P vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ông C trình bày bà T tham gia 05 dây hụi, mỗi dây 1.000.000 đồng/tháng, bà T đã hốt cả 05 dây và đóng hụi chết của các dây đến

tháng 3-2016 thì ngưng nên ông C đã đóng choàng tiền hụi cho bà T đến khi mãn hụi. Tổng số tiền hụi chết mà bà T còn nợ của 05 dây hụi là 42.000.000 đồng. Bà T cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi do ông C làm chủ thảo và còn nợ tiền hụi chết nên có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Ông C trình bày bà T còn nợ ông số tiền hụi chết là 42.000.000 đồng, số tiền này ông đã đóng choàng cho bà T để trả cho các hụi viên khác, bà T cũng xác nhận số tiền hụi chết mà bà còn nợ là 42.000.000 đồng, nhưng phần bà nợ ông C chỉ có 6.000.000 đồng, còn lại 36.000.000 đồng là nợ tiền hụi của chị Tr con ông C. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T không đưa ra được chứng cứ chứng minh bà có tham gia chơi hụi do chị Tr làm chủ thảo, chị Tr cũng không thừa nhận có làm chủ thảo hụi. Ngoài ra, bà T thừa nhận vào năm 2016 bà và chồng là ông P có ký giấy mượn tiền ông C số tiền 42.000.000 đồng, đây là tiền hụi nhưng các bên thỏa thuận ghi thành giấy nợ, đến năm 2017 bà T tiếp tục ký vào Bản thỏa thuận về việc bà còn nợ ông C 42.000.000 đồng tiền hụi. Qua xác minh các hụi viên cùng tham gia chơi hụi với bà T, các hụi viên đều trình bày ông C làm chủ thảo hụi chứ không phải chị Tr. Do đó, lời trình bày của bà T không có căn cứ chấp nhận, vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu bà T trả số tiền 42.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Ông C đã đóng choàng tiền hụi chết ở các dây hụi cho bà T và các dây hụi đều đã mãn. Nay ông C yêu cầu bà T trả tiền lãi suất đối với số tiền hụi ông đã đóng choàng cho bà T là 42.000.000 đồng kể từ ngày 15-5-2017 đến ngày Tòa xét xử sơ thẩm là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

$42.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 14.023.333 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 56.023.333 đồng.

[5] Ông C yêu cầu ông P cùng có trách nhiệm với bà T trả nợ cho ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình. Bởi lẽ, ông P cũng biết về số nợ của ông C và vào năm 2016, ông P đã cùng bà T ký tên vào giấy nợ cho ông C. Ngoài ra, bà T thừa nhận số tiền hụi bà cũng dùng vào việc chi tiêu chung trong gia đình; hiện nay bà và ông P vẫn còn chung sống và sinh hoạt kinh tế chung.

Chính vì vậy, có căn cứ buộc ông P cùng có trách nhiệm với bà T trả cho ông C số tiền nợ gốc và lãi là 56.023.333 đồng.

[6] Năm 2016, ông P và bà T ký giấy mượn tiền ông C và vợ là bà Lê Thị E, sau đó đến ngày 16-11-2017 bà T ký lại Bản thỏa thuận với ông C nhưng không có

tên bà E. Qua làm việc bà E không yêu cầu bà T trả nợ cho bà E nên Tòa án không đưa bà E tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án.

[8] Án phí: Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà T và ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 22, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hộ, hộ, hộ; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Tấn P.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Tấn P có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 56.023.333 (Năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí:

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Tấn P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.801.167 (Hai triệu tám trăm lẻ một nghìn một trăm sáu mươi bảy) đồng.

3. Báo cho ông C, bà T, chị Tr biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Ấn văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc